

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19/12/2022.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Lê Văn Đáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An– Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26/10/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HN, ngày 05/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Minh T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Võ Thị Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ xác lập hôn nhân năm 2015 và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2017 tại UBND xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh Đ có quen nhau khoảng 01 năm, rồi đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau ngày

cưới, chị về làm dâu bên chồng, sau khi sinh con khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, anh Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không đi làm kiếm tiền, cuộc sống hàng ngày đều phụ thuộc vào mẹ chồng cung cấp, mỗi lần chị góp ý thì anh Đ không nghe, mà bỏ đi, từ đó chị về mẹ ruột sống khoảng tháng 6 năm 2017, lúc này anh Đ chửi và xúc phạm chị rất nhiều lần, sự việc kéo dài đến tháng 8 năm 2020 chị làm đơn xin ly hôn, kết quả Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, do anh Đ bỏ đi khỏi nơi cư trú nên không tổng đạt được văn bản tố tụng. Từ khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án cho đến nay chị và anh Đ không gặp nhau, không liên lạc gì cả, mạnh ai nấy sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay là hơn 05 năm, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

- *Về nuôi con tên:* Nguyễn Hữu L, sinh ngày 18/7/2016. Do chị đi làm nghề Hội chợ diễn ra vào ban đêm nên ẵm con theo rất khó khăn, mẹ chồng kêu chị giao con cho bà và anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng nên từ đó chị mới đồng ý. Nay chị tự nguyện giao con cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ, giao con Nguyễn Hữu L, sinh ngày 18/7/2016 cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị T nộp án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Nguyễn Hữu Đ là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất, anh Đ vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị T khởi kiện anh Đ yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, chị giao con cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị T và anh Đ xác lập hôn nhân năm 2015 và có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2017 tại UBND xã V, huyện Cầu Ngang, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị T khai: Sau ngày cưới, chị về làm dâu bên chồng, sống đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn về lối sống, ứng xử giao tiếp và tình cảm, anh Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không đi làm kiếm tiền, kinh tế cuộc sống hàng ngày đều phụ thuộc vào cha mẹ chồng cung cấp, mỗi lần chị góp ý, khuyên bảo anh Đ không nghe mà bỏ đi, từ đó chị không thể nào sống được nên về nhà mẹ ruột sống từ tháng 6 năm 2017, trong khoảng thời gian này anh Đ chửi và xúc phạm chị rất nhiều lần, sự việc kéo dài đến tháng 8 năm 2020 chị làm đơn xin ly hôn, kết quả Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, do anh Đ bỏ đi khỏi nơi cư trú nên không giao được văn bản tố tụng. Từ khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án cho đến nay chị và anh Đ không gặp nhau, không liên lạc nhau, mạnh ai nấy sống, đã ly thân hơn 05 năm, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

Đối với anh Nguyễn Hữu Đ, Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh nhận để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh Đ đều vắng mặt không có lý do, nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa lần nhất, anh Đ tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và Đ xảy ra từ tháng 6 năm 2017 đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân hơn 05 năm, chị Thương xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với anh Đ. Tại bản tự khai đề ngày 25/11/2022 anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị T. Từ đó làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ là đúng quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Anh Đ và chị T chung sống sinh 01 người con tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 18/7/2016. Xét thấy trong thời gian ly thân con sống với anh Đ và được anh chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt.

Do chị T làm nghề Hội chợ, không cư trú ổn định, cuộc sống diễn ra vào ban đêm, nên ẵm con theo gặp rất nhiều khó khăn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T tự nguyện giao con cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng. Tại bản tự khai đề ngày 25/11/2022 anh Đ đồng ý nuôi dưỡng con khi ly hôn. Để tạo điều kiện cho cháu L có cuộc sống ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao Nguyễn Hữu L cho anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Võ Thị Minh T được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Minh T có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị Minh T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Võ Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

- *Về nuôi con:*

+ Anh Nguyễn Hữu Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 18/7/2016 khi ly hôn.

+ Chị Võ Thị Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Võ Thị Minh T nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012527, ngày 17/10/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Võ Thị Minh T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Võ Thị Minh T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Nguyễn Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm